TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 71 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 259/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Xuân H**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số A, thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà **Bùi Thị Thanh T**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: Số B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị Thanh T có quen biết tìm nhiều nhau 01 năm. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng) ngày 12/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sinh sống tại thị trấn L, huyện Đ. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 7 năm 2025 ông Trần Xuân H dọn về nhà bố mẹ tại Số A, thôn P, xã H, tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Nay ông bà xác định không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị Thanh T.

[2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Bùi Bảo L, sinh ngày 26/4/2011, hiện nay con đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao bà Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ tuổi

thành niên.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Trần Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Bùi Bảo L, sinh ngày 26/4/2011 mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Xuân H chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân H và bà Bùi Thị Thanh T thuận tình ly hôn. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2008 do UBND xã H cấp ngày 12/10/2009).*

- Về con chung: Giao bà Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi con chung tên Trần Bùi Bảo L, sinh ngày 26/4/2011 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông Trần Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Bùi Bảo L, sinh ngày 26/4/2011 mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Xuân H nhận nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007104 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Trần Xuân H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực B – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương